

THÔNG TƯ số 13/1998/TT-TCHQ ngày 14/12/1998 hướng dẫn quản lý về thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng đối với loại hình nhập khẩu nguyên liệu, vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu.

Căn cứ điểm 3 Điều 4 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ điểm 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ điểm 21 Điều 4 Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 18/11/1998 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Để thực hiện thống nhất việc quản lý thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng đối với loại hình nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Loại hình nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu là hình thức mua đứt bán đoạn, chủ sở hữu nguyên vật liệu nhập khẩu là các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong nước Việt Nam (bao gồm cả các xí nghiệp đầu tư, liên doanh) tự đăng ký, tự xây dựng mẫu, định mức tiêu hao nguyên vật liệu và chịu trách nhiệm sản xuất ra sản phẩm thì các doanh nghiệp này tự tìm thị trường để xuất khẩu.

2. Nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu được xét hoàn thuế nhập khẩu và xét hoàn thuế giá trị gia tăng bao gồm:

Vật tư, nguyên liệu trực tiếp cấu thành thực thể sản phẩm xuất khẩu và các loại vật tư, nguyên liệu tham gia vào quá trình sản xuất hàng hóa xuất

khẩu nhưng không trực tiếp cấu thành thực thể sản phẩm xuất khẩu, giấy, phấn, bút vẽ, bút vạch dấu, đinh ghim quần áo, mực sơn in, bàn chải keo, chổi quét keo, khung in lưới, kẹp tẩy, dầu đánh bóng... mà đã được doanh nghiệp xây dựng thành định mức tiêu hao cho đơn vị sản phẩm.

3. Đối với công cụ lao động nhập khẩu để phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu như thớt chặt, khuôn mẫu, kim, kéo, kim máy, tài liệu kỹ thuật, vật tư của máy móc thiết bị (phụ tùng, dụng cụ)... thì không thuộc diện được xét hoàn thuế nhập khẩu và hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định trên.

II. CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ VỀ THUẾ NHẬP KHẨU VÀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu là đối tượng chịu thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng và được hoàn thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng tương ứng với tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu trên cơ sở định mức sử dụng nguyên vật liệu.

2. Thời gian ân hạn nộp thuế nhập khẩu và nộp thuế giá trị gia tăng đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu là 9 tháng (275 ngày) kể từ ngày đối tượng nộp thuế nhận được thông báo thuế chính thức của cơ quan hải quan về số thuế phải nộp.

a) Trong thời gian ân hạn 275 ngày, nếu doanh nghiệp đã thực xuất khẩu số sản phẩm thì doanh nghiệp không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với số nguyên vật liệu đã nhập khẩu tương ứng với số sản phẩm đã thực xuất khẩu trên cơ sở định mức sử dụng nguyên vật liệu.

b) Nếu ngoài thời gian ân hạn 275 ngày mà doanh nghiệp chưa thực xuất khẩu sản phẩm hoặc chưa xuất khẩu hết số sản phẩm tương ứng phải xuất khẩu thì doanh nghiệp phải nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với số nguyên vật liệu tương

ứng với số sản phẩm chưa xuất khẩu. Số thuế nộp này chuyển vào tài khoản tạm thu - thực chất là treo để theo dõi tạo thuận lợi cho việc hoàn thuế. Đến khi có sản phẩm thực xuất khẩu thì doanh nghiệp sẽ được hoàn thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng đã nộp. Trường hợp doanh nghiệp chưa nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng cho phần nguyên liệu tương ứng kéo dài quá 275 ngày thì kể từ ngày thứ 276 mỗi ngày chậm nộp thuế sẽ bị phạt 0,1% (một phần nghìn) cho tới ngày thực xuất khẩu số sản phẩm tương ứng sản xuất từ nguyên vật liệu nhập khẩu.

c) Phần nguyên vật liệu được phép tiêu thụ nội địa thì doanh nghiệp phải nộp thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng vào ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Thủ tục và thẩm quyền xét hoàn thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và xét không thu thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng.

a) Hồ sơ hoàn thuế (không thu thuế) nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng bao gồm:

- Công văn đề nghị hoàn lại thuế (không thu thuế) nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đã nộp của doanh nghiệp, trong đó có phương án giải trình cụ thể về số lượng hàng xuất khẩu, mức tiêu hao nguyên vật liệu nhập khẩu, số thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đã nộp, số thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng xin hoàn;

- Hợp đồng xuất khẩu hàng hóa ký kết với nước ngoài (trong đó có ghi rõ số lượng, quy cách, phẩm chất, chủng loại... hàng xuất khẩu) và hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu;

- Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu nguyên liệu, vật tư đã thanh khoản hải quan;

- Tờ khai hải quan hàng xuất khẩu có xác nhận thực xuất của hải quan cửa khẩu;

- Biên lai nộp thuế (giấy thông báo thuế);

- Hợp đồng ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu (nếu là xuất nhập khẩu ủy thác).

Định mức tiêu hao nguyên liệu, vật tư sử dụng vào sản xuất sản phẩm xuất khẩu do doanh nghiệp xây dựng và Giám đốc doanh nghiệp chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tính chính xác, đúng đắn của định mức đăng ký với cơ quan hải quan (nơi làm thủ tục xuất khẩu và nhập khẩu sản phẩm sau này). Việc đăng ký định mức với cơ quan hải quan phải được tiến hành trước khi làm thủ tục nhập khẩu. Trường hợp đăng ký định mức không đúng với mức tiêu hao sản xuất thực tế thì doanh nghiệp phải báo cáo ngay với cơ quan hải quan nơi đã đăng ký định mức để làm căn cứ thanh khoản, hoàn thuế cho lô hàng đã đăng ký.

b) Cơ quan hải quan khi thu thuế được gửi vào một tài khoản riêng của Cục Hải quan tỉnh, thành phố tại Kho bạc. Khi đối tượng được hoàn lại thuế nộp hồ sơ đề nghị xét hoàn thuế thì Cục hải quan tỉnh, thành phố căn cứ vào hồ sơ quy định để kiểm tra, xem xét và ký quyết định hoàn thuế, không thu thuế và thực hiện việc hoàn lại thuế cho đối tượng được hoàn thuế từ tài khoản tạm thu tiền gửi nói trên tại Kho bạc.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ tục hải quan đối với loại hình nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu (theo hình thức mua đứt bán đoạn) được thực hiện tương tự như những lô hàng kinh doanh xuất nhập khẩu.

Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu phải khai báo tính thuế, đăng ký làm thủ tục theo quy định hiện hành.

Cơ quan hải quan làm thủ tục kiểm tra, xác định số thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng phải nộp, ra thông báo thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng với kỳ hạn là 275 ngày và theo dõi, quản lý, thanh khoản cho từng lô hàng xuất nhập khẩu theo quy định.

2. Thủ tục giám sát và quản lý nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất hàng xuất khẩu thực hiện theo Quy chế số 126/TCHQ/GSQL ngày 08/4/1995 của Tổng cục Hải quan (phần giám sát, quản lý nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu) và các quy định hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan.

3. Do đặc điểm loại hình nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu với thời gian ân hạn nộp thuế 275 ngày, để công tác quản lý, theo dõi chặt chẽ, có hiệu quả ngăn ngừa những trường hợp lợi dụng thời gian ân hạn nộp thuế 275 ngày để nhập khẩu nguyên vật liệu nhưng không sử dụng để sản xuất hàng xuất khẩu hoặc chỉ sử dụng một phần nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, số còn lại tiêu thụ trong nước thì phải được phép của Bộ Thương mại (nếu nguyên vật liệu nhập khẩu thuộc diện quản lý theo hạn ngạch), trong trường hợp này doanh nghiệp phải khai báo nộp thuế cho cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp đã đăng ký tờ

khai nhập khẩu trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày thay đổi mục đích sử dụng. Nếu doanh nghiệp lợi dụng việc sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu để tiêu thụ nội địa thì ngoài việc bị xử lý thu thuế, phạt chậm nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, doanh nghiệp còn phải bị xử lý vi phạm pháp luật về thuế.

4. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1999. Các văn bản hướng dẫn trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Cục Hải quan các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai quán triệt thực hiện, trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc thì báo cáo lên Tổng cục Hải quan để kịp thời chỉ đạo hướng dẫn./.

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan

PHAN VĂN DĨNH

09660759